

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D K
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 12/12/2023
V/v: “Ly hôn, chia tài sản chung,
nợ chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HUYỆN D K - KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hương

Ông Nguyễn Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Đình Vân Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện D K, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D K, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Bùi Nguyên Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện huyện D K, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 13/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/11/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 74/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28/11/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Hồng Th - sinh năm 1979

Địa chỉ: Thôn 1, xã Diên Ph, huyện D K, tỉnh Khánh Hòa.

Có mặt.

- Bị đơn: Ông Đặng Văn M - sinh năm 1969

HKTT: Thôn 1, xã Diên Ph, huyện D K, tỉnh Khánh Hòa.

Chỗ ở: Số 237 đường Lạc Long Q, thị trấn D K, huyện D K, tỉnh Khánh Hòa.

Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Trần M - Công ty Luật TNHH Đ L - Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội.

Địa chỉ: 51 Phan Bội Ch, phường Xương H, thành phố Nh T, tỉnh Khánh Hòa.

Có mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Lê Thị H - sinh năm 1970

Địa chỉ: Thôn Xuân L 2, xã Vĩnh N, thành phố N T, tỉnh Khánh Hòa.

Có mặt.

+ Ông Lê H1 - sinh năm 1939

Địa chỉ: Thôn 1, xã Diên Ph, huyện D K, tỉnh Khánh Hòa;

Vắng mặt (có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/12/2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị Hồng Th trình bày:

Bà và ông Đặng Văn M tự nguyện yêu thương và chung sống, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn D K năm 2004. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, trong suốt 17 năm chung sống, ông M không có trách nhiệm với gia đình, bỏ mặc vợ con. Ông M ham mê cờ bạc, gây nợ nần dẫn đến cầm cố tài sản trong nhà, bà nhiều lần phải lo kiếm tiền để chuộc về, khiến kinh tế gia đình ngày càng khó khăn, con cái phải bỏ học. Ông M còn có thái độ ghen tuông vô cớ, nhiều lần đánh đập bà. Vì nghĩ cho các con nên bà cố gắng chịu đựng, khuyên giải nhưng ông M không thay đổi. Từ năm 2021 đến nay, ông M bỏ đi không sống cùng mẹ con ba nữa. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông M, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể hòa giải được, đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đặng Văn M.

Về con chung: Bà và ông M có 03 con chung là Đặng Hoàng Ph - sinh ngày 03/01/2005, Đặng Hoàng Ph1 - sinh ngày 12/10/2009, Đặng Gia B - sinh ngày 08/11/2017. Con chung Đặng Hoàng Ph đã trưởng thành, khỏe mạnh nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng Đặng Gia B - sinh ngày 08/11/2017 và giao con chung Đặng Hoàng Ph1 - sinh ngày 12/10/2009 cho ông Đặng Văn M trực tiếp nuôi dưỡng. Bà và ông không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà và ông M có khối tài sản chung gồm quyền sử dụng đất tại thửa đất 806, tờ bản đồ số 3 xã Diên Ph, huyện D K, tỉnh Khánh Hòa, diện tích 616m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02520 cấp ngày 06/10/2017, chính lý sang tên cho ông Đặng Văn M và bà Lê Thị Hồng Th ngày 18/11/2019 và tài sản gắn liền với đất gồm: 01 căn nhà cấp 4 có diện tích 81,3m² và vật kiến trúc trên đất. Đối với yêu cầu của ông M về việc chia khối tài sản chung này thì bà đồng ý với yêu cầu ông M vì đây là tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân nhưng bà yêu cầu được sở hữu tài sản chung nói trên theo hiện trạng đo vẽ thực tế và đồng ý thanh toán lại giá trị tài sản cho ông M, bà xin được nhận phần giá trị quyền đất nhiều hơn vì bà có công sức đóng góp nhiều hơn đối với giá trị quyền sử dụng đất do nguồn gốc thửa đất tranh chấp là của cha mẹ bà cho vợ chồng bà trong thời kỳ hôn nhân, đồng thời bà muốn bà và các con có nơi cư trú, sinh sống ổn định. Đối với các cây trồng trên đất là của cha bà - ông Lê H trồng, đây là tài sản của cha bà. Trong quá trình Tòa

án giải quyết vụ án, cha bà có ý kiến để lại số cây trồng trên đất cho bà và không yêu cầu bà thanh toán giá trị thì bà cũng thống nhất với ý kiến này của cha bà.

Về nợ chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng bà có nợ của bà Lê Thị H số tiền 655.000.000 đồng. Số tiền này là do bà vay của bà H theo giấy mượn tiền lập ngày 03/5/2021 giữa bà và bà H. Thời điểm vay của bà H thì ông M đã trốn nợ bỏ đi, bà không liên lạc được nên bà đã đứng ra vay số tiền này. Mục đích vay là để trả khoản nợ của bà và ông M tại Ngân hàng N Á trước đó vì khoản nợ vay tại ngân hàng đã quá hạn mà bà và ông M không có khả năng trả nợ, bản thân bà sợ ngân hàng xử lý tài sản đã thế chấp cho ngân hàng là nhà, đất bà đang sinh sống nên bà vay số tiền này của bà H để trả nợ cho Ngân hàng. Lúc bà tất toán số nợ cho Ngân hàng là 650.435.000 đồng, số tiền này tương đương với số tiền bà đứng ra vay của bà H, số tiền còn lại mà bà vay của bà H sau khi trả nợ Ngân hàng thì bà chi tiêu trong gia đình để chăm lo con cái trong khi ông M không có ở nhà. Vì vậy, bà xác định số nợ vay của bà H là nợ chung của bà và ông M nên bà và ông M mỗi người có trách nhiệm trả một nửa số nợ 655.000.000 đồng cho bà H.

- *Quá trình giải quyết vụ án ông Đặng Văn M trình bày:* Về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn, ông đồng ý với phần trình bày của bà Lê Thị Hồng Th. Về cuộc sống hôn nhân, giữa ông và bà Th xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về tính cách, lối sống, thường xuyên cãi vã dẫn đến mâu thuẫn kéo dài, mặc dù được gia đình, người thân khuyên can nhưng vợ chồng vẫn không hòa giải được. Từ lâu tôi và bà Th mạnh ai nấy sống, không quan tâm, chia sẻ với nhau và không còn tình cảm. Ông và bà T không còn chung sống từ năm 2021 đến nay. Trong thời gian không chung sống với nhau thì ông không liên lạc gì với vợ con. Nay bà Th yêu cầu ly hôn, ông đồng ý vì ông xác định không còn tình cảm với bà Thu.

Về con chung: Ông và bà Th có 03 con chung là Đặng Hoàng Ph - sinh ngày 03/01/2005, Đặng Hoàng Ph1 - sinh ngày 12/10/2009, Đặng Gia B - sinh ngày 08/11/2017. Con chung Đặng Hoàng Ph đã trưởng thành, khỏe mạnh nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Đặng Hoàng Ph1 và đồng ý giao cháu Đặng Gia B cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng, ông và bà Thu không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Ông và bà Th có tài sản chung là: Quyền sử dụng đất tại thửa đất 806, tờ bản đồ số 3 xã Diên Ph, huyện D K, tỉnh Khánh Hòa, diện tích 616m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02520 cấp ngày 06/10/2017, chính lý sang tên cho ông Đặng Văn M và bà Lê Thị Hồng Th ngày 18/11/2019 và tài sản trên đất gồm: 01 căn nhà cấp 4, diện tích 81,3m² và vật kiến trúc trên đất. Nguồn gốc đất này là do ba mẹ vợ tặng cho vợ chồng bà trong thời kỳ hôn nhân và nhà cửa, vật kiến trúc là do vợ chồng ông tạo lập, số cây trồng trên đất là cho cha vợ ông - ông Lê H trồng.

Ông yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng là Quyền sử dụng đất và tài sản có trên đất theo như đo vẽ thực tế, cụ thể: Ông yêu cầu chia đôi khối tài sản

chung, ông yêu cầu được nhận $\frac{1}{2}$ giá trị quyền sử dụng đất nêu trên và tài sản khác gắn liền với đất gồm nhà, sân và hàng rào. Cụ thể: Ông xin được nhận $\frac{1}{2}$ diện tích thửa đất là phần đất phía sau không có nhà, giao cho bà Th nhận $\frac{1}{2}$ diện tích đất, là phần phía trước bao gồm căn nhà cũng như vật kiến trúc gắn liền với đất có trên đất với điều kiện bà Th phải chừa cho ông một lối đi để ông có thể đi ra phía trước thửa đất. Ai nhận phần giá trị cao hơn sẽ thanh toán lại giá trị chênh lệch cho bên nhận phần ít hơn. Đối với số cây trồng trên đất, đây là tài sản của ông Lê H. Ông H có ý kiến để lại toàn bộ số cây trồng trên đất cho bà Th, trường hợp Tòa án giao cho ông nhận phần đất có cây trồng thì ông sẽ thanh toán lại giá trị cây trồng trên phần đất đó cho bà Th.

Về nợ chung: Ông xác định ông và bà Th không có nợ chung. Trước đây vào ngày 26/11/2020, ông và bà Th có vay của Ngân hàng N Á số tiền 600.000.000 đồng và cùng trả nợ mỗi tháng. Sau đó, mâu thuẫn xảy ra và ông bỏ nhà đi nên ông không tiếp tục trả nợ cho ngân hàng nữa. Nay ông được biết số nợ trên bà Th đã trả xong cho Ngân hàng nên hiện tại ông và bà Th không còn nợ chung nữa. Về số tiền nợ 655.000.000 đồng mà bà H có yêu cầu độc lập yêu cầu ông và bà Th cùng trả, ông xác định đây là nợ riêng của bà Th vì số nợ này bà Th tự mượn bà H và tự tiêu xài vào việc gì ông không rõ, ông không sử dụng số tiền trên, không biết về việc vay mượn này, không ký vào giấy mượn tiền nên đây không phải là nợ chung của vợ chồng.

- *Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị H trình bày:*

Ngày 03/5/2021, em gái bà là Lê Thị Hồng Th có đứng ra vay của bà số tiền 655.000.000 đồng tại “Giấy mượn tiền” đề ngày 03/5/2021. Mục đích vay có thể hiện tại giấy là do khoản nợ quá hạn của vợ chồng Th đã vay trước đó tại Ngân hàng N Á mà không có khả năng trả, Th sợ bị niêm phong nhà ở nên bà cho vợ chồng Th vay số tiền này để bù đắp cho khoản nợ tại Ngân hàng N Á. Khi vay có cam kết sẽ trả nợ trong vòng 08 tháng kể từ ngày nhận được tiền. Tuy nhiên, từ đó đến nay, khoản nợ này đã quá hạn nhưng vợ chồng Th vẫn chưa trả được cho bà. Tại Giấy mượn tiền ngày 03/5/2021, chỉ có một mình Th ký giấy vay này vì thời điểm này ông M đã bỏ nhà đi, không liên lạc được. Bà xác định đây là nợ chung của bà Thu, ông M vay của bà để trả nợ cho khoản nợ vay trước đó tại Ngân hàng đã quá hạn, vì vậy bà yêu cầu bà Th và ông M cùng trả nợ cho bà số tiền 655.000.000 đồng, mỗi người có trách nhiệm trả cho bà một nửa số tiền này và trả dứt điểm một lần. Tôi không yêu cầu trả lãi vì là chị em ruột nên thời điểm vay bà không có yêu cầu gì về lãi suất.

- *Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê H1 trình bày:* Tất cả các cây trồng trên thửa đất số 806, tờ bản đồ số 03 xã Diên Ph đều là tài sản của riêng ông, vì thửa đất này trước đây là của vợ chồng ông cho vợ chồng Thu, M nên từ trước đến nay ông vẫn hay lui tới, trông trọt trên đất.

Đối với các cây trồng đang tranh chấp trong vụ án thì ông để lại cho con gái là Lê Thị Hồng Th và không yêu cầu Th phải thanh toán lại giá trị cây trồng cho ông.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Thu yêu cầu giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn, nuôi con chung; bị đơn ông Đặng Văn M rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung để ông và Th tự thỏa thuận; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Thu H rút toàn bộ yêu cầu độc lập về nợ chung, sau này bà có yêu cầu sẽ khởi kiện bằng vụ án khác. Bà Th không có ý kiến gì đối với việc rút yêu cầu chia tài sản chung của ông M và bà không có yêu cầu gì về tài sản chung, đồng ý để bà và ông M tự thỏa thuận về tài sản chung. Bà Th, ông M không có ý kiến gì đối với việc rút yêu cầu độc lập của bà H.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Thông nhất với yêu cầu rút tài sản chung của bị đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về quan hệ hôn nhân và con chung giữa bà Th và ông M. Bà Th và ông M thuận tình ly hôn và thỏa thuận được về con chung nên đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D K, tỉnh Khánh Hòa:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật, bị đơn không có lời khai, không đến Tòa án làm việc.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình, ghi nhận sự thỏa thuận thuận tình ly hôn, con chung. Con chung: Đặng Hoàng Ph - sinh ngày 03/01/2005 đã trưởng thành, khỏe mạnh nên bà Th, ông M không yêu cầu Tòa án giải quyết. Giao con chung Đặng Hoàng Ph1 - sinh ngày 12/10/2009 cho ông Đặng Văn Minh trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Đặng Gia B - sinh ngày 08/11/2017 cho bà Lê Thị Hồng Th trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Th và ông M không ai cấp dưỡng nuôi con chung. Căn cứ Điều 48; Điều 217; Điều 218; Điều 219 và khoản 2 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự: Đình chỉ đối với yêu cầu chia tài sản chung của bị đơn; đình chỉ đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

Về giải quyết nội dung tranh chấp:

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Hồng Th và ông Đặng Văn M tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn D K và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 200 vào ngày 18/10/2004 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân bà Th khởi kiện xin ly hôn với ông M vì mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được, tình cảm vợ chồng đã không còn và ông M đồng ý ly hôn với bà Thu. Do đó, căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn của bà Th và ông M.

[3]. Về con chung: Bà Th và ông M xác định vợ chồng có 03 con chung là Đặng Hoàng Ph - sinh ngày 03/01/2005, Đặng Hoàng Ph1 - sinh ngày 12/10/2009, Đặng Gia B - sinh ngày 08/11/2017. Con chung Đặng Hoàng Ph đã trưởng thành, khỏe mạnh nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Đối với con chung là Đặng Hoàng Ph1 và Đặng Gia B: Bà Th và ông M đều thống nhất giao cháu Ph1 cho ông M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu B cho bà Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của bà Th và ông M về con chung.

[4]. Về tài sản chung: Tại phiên tòa, bị đơn ông M rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung để ông M và bà Th tự thỏa thuận, nguyên đơn bà Th không có ý kiến hay yêu cầu gì tài sản chung. Xét thấy yêu cầu này của ông M là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về nợ chung: Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà H rút toàn bộ yêu cầu độc lập đối với nợ chung, sau này bà H có yêu cầu sẽ khởi kiện bằng vụ án khác. Xét thấy yêu cầu này của bà H là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Chi phí tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án gồm chi phí đo vẽ, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 13.154.000 đồng. Căn cứ khoản 5 Điều 157, khoản 5 Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự: Ông M phải chịu toàn bộ chi phí này và ông M đã nộp đủ chi phí.

[7]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Bà Lê Thị Hồng Th phải chịu 75.000 đồng án phí về ly hôn,
 - Ông Đặng Văn M phải chịu 75.000 đồng án phí về ly hôn,
- Bà Th, ông M được miễn tiền tạm ứng án phí đã nộp.
Hoàn lại tiền tạm ứng án phí mà bà Lê Thị H đã nộp.
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 244; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị Hồng Th và ông Đặng Văn M.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

Ông Đặng Văn M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Đặng Hoàng Ph1 - sinh ngày 12/10/2009 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Bà Lê Thị Hồng Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Đặng Gia B - sinh ngày 08/11/2017 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Bà Th, ông M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Th, ông M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Quá trình nuôi dưỡng con chung, bà Th, ông M có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn; thay đổi cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ đối với yêu cầu chia tài sản chung của bị đơn. Bà Th và ông M tự thỏa thuận về tài sản chung.

4. Về nợ chung: Đình chỉ đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Sau này bà H có yêu cầu sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

5. Về án phí:

- Bà Lê Thị Hồng Th phải chịu 75.000 đồng án phí về ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà Th đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0007659 ngày 10/01/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện D K, tỉnh Khánh Hòa. Hoàn lại cho bà Th 225.000 đồng tiền tạm ứng.

- Ông Đặng Văn M phải chịu 75.000 đồng án phí về ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 5.000.000 đồng mà ông M đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0007827 ngày 18/5/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện D K, tỉnh Khánh Hòa. Hoàn lại cho ông M 4.925.000 đồng tiền tạm ứng.

- Hoàn trả cho bà Lê Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 15.100.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2021/0007980 ngày 27/7/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện D K, tỉnh Khánh Hòa.

6. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

7. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện D K;
- Chi cục THADS huyện D K;
- UBND thị trấn D K (nơi đăng ký kết hôn - Giấy chứng nhận kết hôn số 200 ngày 18/10/2004);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Hoa